Công Ty TNHH Quản Lý Quỹ MIRAE ASSET (VIỆT NAM)

QUỸ ETF MAFM VNDIAMOND
MAFM VNDIAMOND ETF

Số/No: 1620/2026/CV-MAFM

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
THE SOCIALIST REPUBLIC OF VIETNAM
Independence - Freedom - Happiness

Hà Nội, ngày 10 tháng 11 năm 2026
Hanoi, day 10 month 11 year 2026

CÔNG BỐ THÔNG TIN SAU GIAO DỊCH HOÁN ĐỔI

ANNOUNCEMENT AFTER EXCHANGE TRADING

Kính gửi/ *To:* Sở Giao dịch Chứng khoán TP. HCM/ *Hochiminh Stock Exchange*

- Tên CTQLQ/ *Fund Management company:* Công ty TNHH Quản lý Quỹ Mirae Asset (Việt Nam)/ *Mirae Asset (Vietnam) Fund Management Company Limited*
- Tên Ngân hàng giám sát/ *Supervisory Bank:* Ngân hàng TNHH MTV Shinhan Việt Nam/ *Shinhan Bank Vietnam Limited*
- Tên Quỹ ETF/ *ETF name:* QUỸ ETF MAFM VNDIAMOND
- Mã chứng khoán/ *Securities symbols:* FUEMAVND
- Địa chỉ trụ sở chính/ *Main office address:* Tầng 38, Keangnam Hanoi Landmark Tower, Khu E6, KĐTM Cầu Giấy, Phường Yên Hòa, Hà Nội/ *38F, Keangnam Hanoi Landmark Tower, Plot E6, Cau Giay New Urban Area, Yen Hoa Ward, Hanoi*
- Điện thoại/ Tel: 024 3564 0666 Fax: 024 3564 0555
- Ngày giao dịch hoán đổi/ *Exchange date:* 9/11/2026
- Đơn vị tính lô/ *Unit:* 1 lô ETF tương đương 100.000 chứng chỉ quỹ ETF/ *1 ETF Creation Unit = 100,000 ETF certificates*

Danh mục và tỷ lệ chứng khoán cơ cấu hoán đổi 1 lô ETF/ *Components and weighting:*

STT *Order*	Mã chứng khoán *Securities symbol*	Số lượng (CP)/ Giá trị (VND) *Volume/ Amount*	Tỷ lệ % trong danh mục *Weighting*
I.	**Chứng Khoán/ *Stock***	**1,321,540,000**	**99.9%**
1	ACB	4,900	7.5%
2	BMP	200	2.1%
3	CTD	400	2.1%
4	CTG	900	2.2%
5	FPT	3,600	13.8%
6	GMD	2,800	11.2%
7	HDB	3,900	6.6%
8	KDH	400	0.5%
9	MBB	5,000	7.3%
10	MSB	1,900	2.3%
11	MWG	2,800	15.6%
12	NLG	1,800	3.1%
13	OCB	300	0.2%
14	PNJ	2,800	3.2%
15	REE	1,300	4.6%
16	TCB	5,800	9.5%
17	TPB	1,300	1.2%
18	VPB	4,100	6.8%
II.	**Tiền/ *Cash* (VND)**	**1,175,290**	**0.1%**
III.	**Tổng Cộng/ *Total* (=I+II)**	**1,322,715,290**	**100.0%**

- Chênh lệch giữa danh mục chứng khoán cơ cấu và lô chứng chỉ quỹ ETF hoán đổi/ *Difference between a basket and one lot of ETF in value:*
  - + Giá trị danh mục chứng khoán cơ cấu/ *Basket value:* 1,321,540,000 VND
  - + Giá trị lô chứng chỉ quỹ ETF/ *Value per lot of ETF:* 1,322,715,290 VND
  - + Giá trị chênh lệch (nếu có)/ *Spread in value:* 1,175,290 VND
  - + Phương án xử lý đối với giá trị chênh lệch (nếu có)/ *Plan to deal with the difference:*
    - · Đối với nhà đầu tư mua chứng chỉ quỹ ETF/ *With creation order* : Nộp tiền bằng giá trị chênh lệch / *Transfer the difference into the Fund's escrow account*
    - · Đối với nhà đầu tư bán chứng chỉ quỹ ETF / *With redemption order:* Nhận tiền bằng giá trị chênh lệch trừ đi thuế, phí mua lại/ *Receive the difference after subtracting tax and redemption fee*

- Các trường hợp chứng khoán cơ cấu được thay bằng tiền (nếu có, nêu rõ lý do)/ *In case, stock can be replaced by cash, state reason:*

STT *No*	Mã chứng khoán *Securities code*	Tiền thay thế tương ứng 1 cp (VND) *Substitution cash per share (VND)*	Đối tượng áp dụng *Applied to*	Lý do *Reason*
1	CTD	75,130	MAS, KIS, nhà đầu tư nước ngoài/*MAS, KIS, foreign investor*	Do cổ phiếu đã đạt tỷ lệ sở hữu nước ngoài tối đa / *The stock reaches foreign ownership limit*
2	MBB	21,175	MAS, KIS, nhà đầu tư nước ngoài/*MAS, KIS, foreign investor*	Do cổ phiếu đã đạt tỷ lệ sở hữu nước ngoài tối đa / *The stock reaches foreign ownership limit*
3	MWG	81,070	MAS, KIS, nhà đầu tư nước ngoài/*MAS, KIS, foreign investor*	Do cổ phiếu đã đạt tỷ lệ sở hữu nước ngoài tối đa / *The stock reaches foreign ownership limit*
4	REE	51,810	MAS, KIS, nhà đầu tư nước ngoài/*MAS, KIS, foreign investor*	Do cổ phiếu đã đạt tỷ lệ sở hữu nước ngoài tối đa / *The stock reaches foreign ownership limit*
5	TCB	23,815	MAS, KIS, nhà đầu tư nước ngoài/*MAS, KIS, foreign investor*	Do cổ phiếu đã đạt tỷ lệ sở hữu nước ngoài tối đa / *The stock reaches foreign ownership limit*

- Các trường hợp chứng khoán cơ cấu phát sinh sự kiện doanh nghiệp (nếu có)/ *State if component securities shall have corporate action (if any)*

- Việc sửa, hủy lỗi giao dịch (nếu có)/ *The correction and cancellation of transaction errors (if any):* Không có/ *None*

- Các nội dung khác có liên quan (nếu có)/ *Other information:*

Chỉ tiêu/ *Criteria*	Kỳ này/ *This period* (*) 9/11/2026	Kỳ trước/ *Last period* (**) 6/11/2026	Chênh lệch *Changes*
1. Số lô đã phát hành thêm/ *Creation Units were issued*	-	-	-
2. Số lô đã mua lại/ *Creation Units were redeemed*	-	-	-
3. Tổng số lượng CCQ đăng ký niêm yết/ *Listing/Issued ETF*	12,200,000	12,200,000	-
4 Giá đóng cửa (VND/chứng chỉ quỹ)/ *Closing price*	13,290	13,350	(60)
5. Giá trị tài sản ròng/ *Net Asset Value* :			
- của quỹ ETF/ *of the Fund*	161,371,265,398	162,827,675,029	(1,456,409,631)
- của 1 lô CCQ ETF/ *per ETF Creation Unit*	1,322,715,290	1,334,653,074	(11,937,784)
- của 1 CCQ/ *per share*	13,227.15	13,346.53	(119.38)
6. Chỉ số tham chiếu/ *Benchmark index*	2,098.12	2,106.98	(8.86)

(*) chỉ tiêu số 5 lấy giá trị tài sản ròng tại ngày/ item 5 is net asset value at *8/11/2026*

(**) chỉ tiêu số 5 lấy giá trị tài sản ròng tại ngày/ item 5 is net asset value at *5/11/2026*

Chúng tôi cam kết các thông tin công bố trên đây là đúng sự thật và hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về nội dung các thông tin đã công bố./ *We declare that all information provided in this paper is true and accurate; we shall be legally responsible for any mispresentation.*

Tổng Giám Đốc kiêm đại diện pháp luật

CEO and legal representative

CÔNG TY TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN QUẢN LÝ QUỸ MIRAE ASSET (VIỆT NAM)

Soh Jin Wook